

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT

Ngày 08-7-2020

*V/v Tranh chấp về quyền sử dụng đất và
buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lò Văn Lịch.

Các Thẩm phán: Ông Sùng A Xà.

Bà Bùi Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thu Trà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Bùi Thị Thu Hằng
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 4 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên bị bà Quàng Thị L - là bị đơn kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2020/QĐPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020, Quyết định thay đổi thẩm phán tiến hành tố tụng số 457/2020/QĐ-TA ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Lường Thị L1, Sinh năm: 1960; Địa chỉ: Đội 8, bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- Chị Quàng Thị Th, Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ dân phố 13, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Quàng Thị L2, Sinh năm: 1963; Địa chỉ: Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Quàng Thị L2:* Bà Lò

Thị X, Sinh năm: 1964 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Quàng Thị B, Sinh năm: 1983; Địa chỉ: Đội 2, Lọng Bon, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Anh Quàng Văn P1, Sinh năm: 1989; Địa chỉ: Đội 8, bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chị Quàng Thị H, Sinh năm: 1990; Địa chỉ: Đội 8, bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chị Quàng Thị L3, Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Đội 8, bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị B, anh P1, chị H, chị L3: Bà Lương Thị L1 - Sinh năm: 1960; Địa chỉ: Đội 8, bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

- Chị Quàng Thị V, Sinh năm: 1984, Địa chỉ: Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

4. Người làm chứng: Ông Lò Văn D - Sinh năm: 1958; Địa chỉ: Đội 1, Bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có mặt).

5. Người phiên dịch: Ông Lương Văn C - Sinh năm 2000; Địa chỉ: Tổ 16, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

6. Người kháng cáo: Bà Quàng Thị L2, là bị đơn trong vụ án.

7. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Những người được Tòa án triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm: Bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th, bà Quàng Thị L2, bà Lò Thị X, ông Lò Văn D, ông Lương Văn C có mặt tại phiên tòa phúc thẩm; chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3 trong quá trình giải quyết vụ án đã có văn bản ủy quyền cho bà Lương Thị L1 đại diện tham gia tố tụng; chị Quàng Thị V vắng mặt có lý do (chị V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là do anh chồng bà L1 là ông Quàng Văn S (tên khác là S1) chia cho vào năm 1990 với diện tích là 100m², sau đó gia đình bà L1 khai hoang thêm xung quanh, trồng 04 bụi tre, 01 cây me (cây me hiện nay vẫn còn, ở ngay cánh cửa bên phải đường vào nhà của bà L1) và làm nhà ở từ năm 1990 với diện tích khoảng 600m², mảnh đất đó nằm trên bờ đường Quốc lộ mặt phải đường là lối chạy vào bản C, mặt trái đường giáp đất nhà ông P2 ở bản Cang hiện nay ông đã bán cho người khác làm cây xăng. Năm 1995, Nhà nước chia cho gia đình bà L1 đất ở bản M nên gia đình bà L1 đã

chuyển vào bản M (nay là Đội 8, bản Y, xã S) ở cho đến nay. Trước khi chuyển vào bản M, bà L1 có cho bà Quàng Thị L2 (là em chồng) ở nhờ trên đất đó và sử dụng cả mấy bụi tre gia đình bà L1 trồng trên đó. Năm 2006, chồng bà L1 (là ông Quàng Văn K, tên gọi khác: Quàng Văn K1) mất. Năm 2010, bà L2 bảo bà L1 chặt hết tre đi để khỏi bị đổ vào nhà. Khi các con bà L1 lớn, bà L1 yêu cầu bà L2 trả lại đất cho bà L1 đồng thời bà L1 cho bà L2 một mảnh đất ở nhưng bà L2 không trả.

Đến năm 2012, bà L2 đã tự ý cắt 01 mảnh bán cho bà B1 để mở quán, năm 2016 bà L2 cắt bán tiếp 02 mảnh: 01 mảnh bán cho bà B1 và 01 mảnh bán cho gia đình bà T. Sau đó, mẹ con bà L1 đã ra nói chuyện tình cảm là để cho bà L2 một mảnh đất ở còn 03 mảnh bà L2 đã bán, mẹ con bà L1 không có ý kiến gì nữa và yêu cầu bà L2 phải trả lại cho mẹ con bà L1 mảnh còn lại nhưng bà L2 không trả. Toàn bộ diện tích đất này cho đến nay không có giấy tờ gì và cũng chưa được cấp sổ đỏ, nhưng bà L1 đã có đơn xin xác nhận của chính quyền địa phương và đại diện một số hộ dân sinh sống lâu năm tại xã biết rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất đó gửi kèm theo đơn khởi kiện để chứng minh nguồn gốc đất đó là của gia đình bà L1. Trên thửa đất này cho đến nay vẫn còn nền nhà cũ của gia đình bà L1 làm từ năm 1990, nhưng nay bà L2 đã đổ đất lên nền nhà này.

Kể từ sau khi cho bà L2 mượn đất ở và từ khi bà L1 chuyển đến ở tại bản M, đội 8, bản Y cho đến khi bà L1 có đơn hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã S, bà L1 và các con bà L1 đã nhiều lần đến yêu cầu bà L2 trả lại đất cho mẹ con bà L1 và có nhờ chính quyền địa phương can thiệp nhưng đều không thành. Sau khi bà L1 được biết bà L2 đã nhận tiền đền bù về đất và đền bù về tài sản hoa màu trên đất, bà L1 đã có ý kiến với trưởng bản và có đề nghị Ủy ban nhân dân xã S giải quyết nhưng được trưởng bản trả lời là đất này không có giấy tờ và là người nhà với nhau nên để hai bên gia đình tự giải quyết. Còn Ủy ban nhân dân xã S trả lời là việc tranh chấp số tiền đền bù không thuộc thẩm quyền giải quyết của xã, nên bà L1 đã tự đòi bà L2 nhưng bà L2 không trả cho mẹ con bà L1. Nay bà L1 và chị Th cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền đền bù bà L2 đã nhận và cũng không yêu cầu giải quyết đối với 03 thửa đất mà bà L2 đã tự ý bán cho hộ gia đình bà T và bà B1 mà chỉ yêu cầu bà L2 phải trả lại cho sáu mẹ con bà L1 thửa đất có diện tích là: **139,7 m²** (tại Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên) có các mặt tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đường quốc lộ 12: 9,2m; Phía Nam giáp đất tập thể Bản C: 8,2m; Phía Đông giáp đất nhà T1B1: 7,7m + 8,2m = 15,9m; Phía Tây giáp đất nhà bà L2: 8,4m + 7,5m = 15,9m; Yêu cầu bà Quàng Thị L2 phải tháo dỡ: Rào sắt B40, 01 giàn năng lượng mặt trời và 01 cây ban đường kính khoảng 40 cm trên thửa đất tranh chấp trả lại mặt bằng cho sáu mẹ con bà L1.

Bà L1 không chấp nhận lời khai của ông Lò Văn H, ông Quàng Văn T, ông Lò Văn S3, bà Vi Thị M, ông Tô Văn Kh, ông Lò Văn D, bà Quàng Thị L4, bà Quàng Thị C. Bà L1 chỉ chấp nhận những lời khai của Tòa án đi thu thập của bí thư, trưởng bản, già làng ông P2, ông P3, ông S2, anh H1.

Tại đơn xin trình bày ngày 24/6/2019, Biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử bị đơn bà Quảng Thị L2 trình bày:

Tại đơn xin trình bày ngày 24/6/2019 và tại phiên tòa bà trình bày: Về mảnh đất bà L2 đang sử dụng là tài sản của bố mẹ bà L2 cho bà L2 từ trước thời điểm năm 1993, đồng thời bà L2 có trách nhiệm nuôi dưỡng và lo mai táng cho bố mẹ bà L2 khi chết, còn các anh của bà L2 đều có gia đình riêng và gia đình khó khăn không có điều kiện nuôi dưỡng bố mẹ bà L2 được.

Tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2019 và tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019 bà L2 trình bày: Nguồn gốc đất bà L2 đang sử dụng (hiện đang tranh chấp với bà L1) là của bố mẹ bà L2 chỉ cho bà L2 làm, sau đó bà L2 khai hoang chứ không phải bố mẹ bà L2 cho bà L2 (như đơn xin trình bày ý kiến của bà L2 ngày 24/6/2019). Từ năm 1993 cho đến nay, bà L2 không nộp thuế đất vì cả bản không có ai nộp thuế đất. Bà L2 thừa nhận năm 1993, anh trai bà L2 là Quảng Văn K (chồng bà L1) chuyển ở nơi khác về không có chỗ ở nên bà L2 cho ông K mượn để dựng nhà ở tạm khoảng 02 năm sau (năm 1995) gia đình ông K chuyển đến bản Y và đã được Nhà nước cấp đất ở, còn bà L2 tiếp tục cải tạo lấy mảnh đất. Do văn bản trình bày ý kiến của bà L2 ngày 24/6/2019 bà L2 nhờ cháu bà L2 viết hộ nên có sự nhầm lẫn. Năm 1997, bố bà L2 mất, từ thời điểm bố bà L2 còn sống cho tới khi bố bà L2 mất, bố bà L2 không hề chia mảnh đất cho vợ chồng ông K, bà L1. Bản thân bà L2 cũng không hề nghe thấy bố mẹ bà L1 cắt một phần mảnh đất cho vợ chồng anh trai bà L2 (ông K và bà L2). Năm 2005, ông K chết, trong thời gian ông K còn sống, ông K cũng không đòi hỏi được chia phần lấy mảnh đất, có sự chứng kiến của mẹ bà L2 là bà Quảng Thị Ch và anh trai bà L2 là Quảng Văn N. Do gia đình khó khăn năm 2011, bà L2 và mẹ bà L2 đã bán 09m đất mặt đường cho ông bà T1 B1 (bản Ch) với số tiền 45.000.000 đồng. Năm 2015, bà L2 bán cho bà Lò Thị T ở bản Y 25m đất mặt đường với số tiền 63.000.000 đồng. Còn lại 02 thửa đất (01 thửa hiện bà L2 đang ở, 01 thửa đang tranh chấp với bà L1).

Trong thời gian bà L2 bán đất, anh bà L2 (ông Quảng Văn N) còn sống nhưng vợ chồng bà L1 cũng không có ý kiến gì. Mảnh đất đã được đền bù cả hai dự án (dự án đường điện và dự án mở đường Pom Lót - Huổi Puốc) gia đình bà L1 cũng không có ý kiến gì. Tất cả mảnh đất đều đứng tên bà L2 có cả dân bản và Ủy ban nhân dân xã Sam Mứn biết, năm 2014 mẹ bà L2 (Quảng Thị Ch) chết, năm 2016 anh trai (Quảng Văn N) chết. Sau khi bố mẹ, anh em bà L2 chết thì bà L1 nảy sinh ý định chiếm đất của bà L2. Bà L2 bác bỏ toàn bộ lời khai do Tòa án đi thu thập của bí thư, trưởng bản, già làng ông P2, ông P3, ông S2, anh H1 vì nguồn gốc đất đó là do bố mẹ bà L2 để lại cho bà L2, đất do bà L2 ở trên đất đó từ trước. Bà L2 không đồng ý với nội dung đơn xin xác nhận ngày 30/9/2019 (BL 93) và đơn xin xác nhận ngày 11/10/2019 (BL 150) của bà Lương Thị L1.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bà L2 không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền công sức tôn tạo đối với thửa đất đang tranh chấp trên.

Vì vậy, bà L2 không nhất trí trả cho bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th, chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3 thửa đất có diện tích là: **139,7 m²** (tại Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên) và cũng không đồng ý tháo dỡ Rào sắt B40, 01 giàn năng lượng mặt trời và 01 cây ban đường kính khoảng 40 cm trên thửa đất tranh chấp trả lại mặt bằng cho bà L1 và các con bà L1.

Tại bản tự khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3 (đều là con của bà L1) ngày 07/10/2019 trình bày:

Về nguồn gốc đất thửa đất hiện đang tranh chấp với bà L2, chị B, anh P1, chị H, chị L3 nhất trí với phần trình bày của bà L1 bởi lúc đó chị B, anh P1, chị H, chị L3 còn nhỏ nên chỉ nghe bố mẹ nói lại như vậy. Thửa đất này là di sản của bố chị B, anh P1, chị H, chị L3 chết đi để lại cho bà L1 và 5 anh chị em. Vì vậy, để đảm bảo được quyền lợi cho bà L1 và 5 anh chị em, chị B, anh P1, chị H, chị L3 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên buộc bà Quàng Thị L2 phải trả lại cho bà L1 và chị B, anh P1, chị H, chị L3 thửa đất như bà L1 đã khai ở trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Quàng Thị V (là con của bà L2) trình bày: Chị V nhất trí với phần trình bày của bà Quàng Thị L2. Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền công sức tôn tạo đối với thửa đất đang tranh chấp trên. Vì vậy, chị V không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L1 và chị Th vì đó là đất của ông bà ngoại chị cho mẹ chị.

Những người làm chứng: anh Tòng Văn H1, ông Quàng Văn P2, ông Lò Văn P3, ông Lò Văn S2, ông Quàng Văn N, chị Nguyễn Thị H, ông Lò Văn X, ông Lò Văn H1, đều có ý kiến: bà L1 là người ở trước trên phần đất đang tranh chấp sau đó nhà bà L1 di dân lên bản M ở thì bà L2 mới chuyển đến. Ông P, bà Ch là bố mẹ bà L2 chưa ở trên đất đang tranh chấp bao giờ.

Những người làm chứng: ông Lò Văn H, ông Quàng Văn T, ông Lò Văn S3, bà Vi Thị M, ông Tô Văn Kh, ông Lò Văn D, bà Quàng Thị L4, bà Quàng Thị C, đều có ý kiến: bà L2 là người đến ở trước, sau đó mới thấy bà L1 đến ở khoảng 1-2 năm thì chuyển đến ở bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa bà Lò Thị X người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Quàng Thị L2 đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L1 và chị Quàng Thị Th.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lò Văn D là người làm chứng được tòa án triệu tập hợp lệ đồng thời là người phiên dịch cho bị đơn bà Quàng Thị L2.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, Điều 158, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 130, 131, 133, 173, 175, 189, 198, 205 Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Căn cứ Điều 73, 79 Luật đất đai năm 1993;

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị L1 và chị Quàng Thị Th về việc: “Tranh chấp về quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ công trình xây dựng trên đất” đối với bà Quàng Thị L2.

* Buộc bà Quàng Thị L2 phải trả lại cho bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th và các con bà L1 là chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3 thửa đất có diện tích là: **139,7 m²** (*Trong đó có: 72,7 m² là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông*) tại Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Cụ thể thửa đất có vị trí các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp đường quốc lộ 12: Từ mốc 1 đến mốc 2 là: 9,2 m

- Phía Nam giáp đất tập thể Bản C: Từ mốc 4 đến mốc 5 là: 8,2m;

- Phía Đông giáp đất nhà chị Lò Thị T1B1: Từ mốc 2 đến mốc 3 là: 7,7m và từ mốc 3 đến mốc 4 là: 8,2m (tổng 7,7 m + 8,2m = 15,9m);

- Phía Tây giáp đất nhà bà Quàng Thị L2: Từ mốc 5 đến mốc 6 là: 7,5m và từ mốc 6 đến mốc 1 là: 8,4m (tổng 7,5 m + 8,4m = 15,9m);

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ và Mẫu trích đo chính lý bản đồ địa chính số: 987 - 2019 ngày 04/10/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Sở tài nguyên - Môi trường tỉnh Điện Biên và Bản phô tô Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất; Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất (kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất) ngày 26/9/2019.

* Buộc bà Quàng Thị L2 phải tháo dỡ: Rào sắt B40, 01 giàn năng lượng mặt trời và 01 cây hoa ban trên diện tích đất: **139,7 m²** (*Trong đó có: 72,7 m² là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông*) tại Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên để trả lại mặt bằng cho bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th và các con bà L1 là chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 16/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Tạm giao diện tích đất **139,7 m²** (Trong đó có: 72,7 m² là đất nằm trong chỉ giới hành lang giao thông) tại Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên cho bà Lương Thị L1, chị Quàng Thị Th, chị Quàng Thị B, anh Quàng Văn P1, chị Quàng Thị H, chị Quàng Thị L3 tiếp tục sử dụng. Bà L1, chị Th và chị B, anh P1, chị H, chị L3 được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước về quản lý đất đai ở địa phương để kê khai, làm thủ tục theo Luật đất đai.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bà Quàng Thị L2 phải chịu 4.623.800 đồng (Bốn triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, tám trăm đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bà Quàng Thị L2 phải hoàn trả lại cho bà Lương Thị L1 số tiền 4.623.800 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Về án phí: Bà Lương Thị L1 và chị Quàng Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Bà Lương Thị L1 toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003177 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Hoàn trả lại cho chị Quàng Thị Th toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003178 ngày 14/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Quàng Thị L2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự và việc thi hành án dân sự.

Ngày 23/3/2020, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo của bà Quàng Thị L2, là bị đơn trong vụ án, kháng cáo với nội dung: yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại bản án do bà L2 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Ngày 10/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm số 151/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án số 02/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ với nội dung: kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đ, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án số 02/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: bà Quàng Thị L2 giữ nguyên nội dung kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Quàng Thị L2 là bà Lò Thị X có ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Quàng Thị L2 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, hủy bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tại tranh tụng tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các đương sự tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Quàng Thị L2 và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên trong hạn luật định, bà L2 được miễn tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục tố tụng.

Đối với sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Quàng Thị V tại phiên tòa phúc thẩm: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 2 Điều 296/BLTTDS, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt chị Quàng Thị V.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Lò Văn D tham gia với tư cách là người phiên dịch cho bị đơn bà Quàng Thị L2, đồng thời ông Lò Văn D còn tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án. Tại cấp sơ thẩm và phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, ông Lò Văn D khai mảnh đất đang tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà L2. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L1 và chị Th là nguyên đơn không nhất trí với lời khai của ông D, cho rằng việc ông D khai như vậy là ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Như vậy, việc ông Lò Văn D tham gia tố tụng với hai tư cách: vừa là người làm chứng, vừa là người phiên dịch là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 82/BLTTDS, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và làm cho việc giải quyết vụ án không khách quan, toàn diện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Quàng Thị L2.

[2.1.1] Về nguồn gốc đất đang tranh chấp và quá trình sử dụng.

Bà Lường Thị L1 cho rằng nguồn gốc đất đang tranh chấp là do anh chồng bà L1 là ông Quàng Văn S (tên khác: S1) chia cho năm 1990 với diện tích 100 m², sau đó gia đình bà L1 mới khai hoang mở rộng thêm được khoảng 600 m². Bà L1 đã làm nhà ở tóoc xi ba gian lợp gianh, trồng cây đậu rách làm hàng rào, 04 bụi tre và 01 cây me trên đất tranh chấp từ năm 1990. Đến năm 1995, gia đình bà L1 được Nhà nước chia đất nên chuyển lên bản M (nay là Đội 8, bản Y, xã S). Trước khi chuyển đi, bà L1 có cho em chồng là bà Quàng Thị L2 ở nhờ. Đến nay cây me vẫn còn, bụi tre đã chặt hết năm 2010, hàng đậu rách đã phá bỏ khi Nhà nước làm đường, còn nhà cũ của bà L1 đã phá dỡ, hiện nay bà L2 đã đổ đất trên nền nhà này.

Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, tại biên bản lấy lời khai cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bà Quàng Thị L2 lại cho rằng mảnh đất bà L1 đến tranh chấp có nguồn gốc là do bố mẹ bà L2 chỉ cho bà L2 làm từ lúc bà L2 còn nhỏ (do lúc đó là đất hoang chưa quy chủ nên ai khai hoang thì nhận

làm) để làm vườn tràm, diện tích khoảng bao nhiêu bà không nhớ rõ. Sau đó, bà L2 khai hoang, mở rộng và cải tạo được mảnh đất như hiện nay. Năm 1993, anh trai bà L2 là ông Quảng Văn K (chồng bà Lương Thị L1) chuyển ở khác về không có chỗ ở nên bà L2 cho ông K mượn đất để dựng nhà ở. Năm 1995, khi Nhà nước chia đất, gia đình ông K chuyển lên bản M (nay là Đội 8, bản Y, xã S) thì bà L2 tiếp tục quản lý sử dụng ổn định đến bây giờ. Quá trình quản lý, bà L2 đã cải tạo mảnh đất từ chỗ là đất hủm, ao đến nay đã được đổ đất, cải tạo mặt bằng nên làm nhà, trồng cây được. Khi bà L2 bán 03 mảnh đất cho người khác và nhận tiền đền bù do Nhà nước thu hồi đất để làm dự án đường điện và dự án mở đường Pom Lót - Huổi Puốc, gia đình bà L1 đều không có ý kiến gì. Gia đình bà L1 sau khi chuyển lên bản M từ năm 1995 đến nay đã không còn sử dụng, cải tạo hay đóng góp công sức gì đối với phần đất trên.

Những người làm chứng cho nguyên đơn gồm anh Tòng Văn H1, ông Quảng Văn P2, ông Lò Văn P3, ông Lò Văn S2, ông Quảng Văn N, chị Nguyễn Thị H, ông Lò Văn X, ông Lò Văn H1 đều có ý kiến: bà L1 là người ở trước, sau đó bà L2 mới chuyển đến.

Còn những người làm chứng cho bị đơn gồm ông Lò Văn H, ông Quảng Văn T, ông Lò Văn S3, bà Vi Thị M, ông Tô Văn Kh, ông Lò Văn D, bà Quảng Thị L4, bà Quảng Thị C lại khai: bà L2 là người đến ở trước sau đó mới thấy bà L1 đến ở, được một thời gian thì chuyển đi nơi khác.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai của nguyên đơn và những người làm chứng cho nguyên đơn, xác định nguồn gốc đất là do ông Quảng Văn S chia cho vợ chồng bà L1 năm 1990, sau đó bà L1 mới cho bà L2 ở nhờ, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét một cách khách quan toàn diện đến nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đang tranh chấp. Mặc dù lời khai của nguyên đơn và bị đơn về nguồn gốc đất có mâu thuẫn nhưng cũng không có biên bản đối chất giữa các đương sự theo quy định tại Điều 100/BLTTDS.

[2.1.2] Về việc thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm.

Tòa án sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện khiến việc giải quyết vụ án thiếu chính xác, vi phạm quy định tại Điều 97, Điều 108/BLTTDS. Cụ thể:

Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ chỉ xem xét thẩm định tại chỗ một phần diện tích 139,7 m²/600 m², không mô tả mốc giới, chưa xem xét thẩm định đến tất cả các tài sản nằm trên diện tích đất bà L2 đang quản lý, sử dụng. Trên cơ sở đó mới xác định được quyền sử dụng đất của các bên.

Chưa làm rõ quá trình sử dụng đất, cải tạo, tạo dựng tài sản trên đất của bà L2, bà L1 để có cơ sở xác định tài sản đó là của ai, do ai tạo dựng.

Chưa làm rõ bà L2 làm nhà vào thời gian nào. Nhà kiên cố hay nhà tạm. Khi bà L2 làm nhà thì bà L1 có ý kiến gì không.

Chưa làm rõ nền nhà bà L1 ở gốc cây me, bà L2 đổ đất tôn tạo mỗi chỗ nền nhà hay toàn bộ thửa đất đó. Chưa làm rõ độ tuổi của cây me trồng từ thời

gian nào. Do ai trông để có căn cứ xác định ai là người sử dụng đất trước.

Chưa làm rõ tại sao gia đình bà L1 đang ở ổn định trên mảnh đất tranh chấp mà Nhà nước lại cấp cho gia đình bà L1 nơi ở khác (Bản M tức Đội 8 bản Y, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên).

Từ những vi phạm và sai sót của cấp sơ thẩm nêu trên, xét thấy cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên nội dung kháng cáo của bà L2 về việc kháng cáo toàn bộ bản án số 02/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Cấp sơ thẩm có những vi phạm về tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự như:

Đưa ông Lò Văn D, sinh năm 1958, địa chỉ Đội 1, bản C, xã S, huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia với tư cách là người phiên dịch cho bị đơn, trong khi đó ông D đang tham gia với tư cách là người làm chứng trong vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm điểm b khoản 2 Điều 82/ BLTTDS. Việc vi phạm tố tụng này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, dẫn đến việc giải quyết vụ án không khách quan, thiếu chính xác như đã phân tích ở đoạn [1].

Việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, dẫn đến đánh giá chứng cứ chưa khách quan, do đó việc giải quyết vụ án thiếu chính xác, vi phạm Điều 97, Điều 108/ BLTTDS như đã phân tích ở đoạn [2.1.2].

Xét thấy, những vi phạm và thiếu sót của bản án sơ thẩm không thể khắc phục được tại giai đoạn phúc thẩm. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì vậy, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đối với Bản án bản án số 02/2020/DS-ST ngày 13/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án số 02/2020/DS-ST ngày 13/03/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: Do nội dung kháng cáo của bà Quàng Thị L2 được chấp nhận nên bà L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 82, Điều 97, Điều 100, Điều 108, Điều 109, Khoản 3 Điều 308, Khoản 1 Điều 310, Khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Quàng Thị L2 và kháng nghị của số 151/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên:

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên để xét xử sơ thẩm lại theo quy định pháp luật.

Về án phí:

Bị đơn bà Quàng Thị L2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà L2 đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Thông báo số 03/TB-TA ngày 31/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được quyết định khi Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/7/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện Đ, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Bà Lò Thị X;
- Lưu: Phòng HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lò Văn Lịch

